

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2009/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2004 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao;

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2009/NQ-HĐND ngày 24/7/2009 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số: 1518/STC-QLGCS ngày 17/8/2009 về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây của UBND tỉnh về chính sách thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường của tỉnh Quảng Ngãi trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Y tế; Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH
MỘT SỐ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA THUỘC
LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ, Y TẾ, VĂN HÓA, THỂ DỤC
THỂ THAO VÀ MÔI TRƯỜNG CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI**

*(Kèm theo Quyết định số: 42/2009/QĐ-UBND
ngày 28/8/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi xã hội hóa tại quy định này bao gồm các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Quy định này được áp dụng đối với:

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa; cụ thể:

a1) Cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề); hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa;

a2) Cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập, Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hoá theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

(Sau đây được gọi là cơ sở thực hiện xã hội hóa)

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực tại Quy định này phải thuộc danh mục, loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại Điều 2 Quy định này.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

3. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành.

4. Các cơ quan nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa như cơ sở công lập. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức theo quy định của pháp luật nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

6. Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hóa bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phân tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chi cho cá nhân; chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

7. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ngừng hoạt động, phải giải thể thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chính sách về cho thuê nhà, xây dựng cơ sở vật chất

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của tỉnh.

2. Hàng năm, căn cứ vào điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển các lĩnh vực xã hội hoá và khả năng ngân sách của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào dự toán phân bổ ngân sách để đầu tư, cải tạo nâng cấp quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hoặc đầu tư xây dựng mới nhà, cơ sở hạ tầng để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê dài hạn với giá ưu đãi; cụ thể:

a) Thời gian cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa được xác định cho từng trường hợp cụ thể nhưng tối thiểu không dưới 10 năm. Hết thời hạn này, nếu các cơ sở thực hiện xã hội hóa còn có nhu cầu sử dụng nhà, cơ sở hạ tầng thì được ưu tiên tiếp tục gia hạn thuê, thời gian của một đợt gia hạn tối thiểu không dưới 05 năm. Trường hợp các cơ sở thực hiện xã hội hóa có nhu cầu thuê nhà, cơ sở hạ tầng ít hơn thời gian đã xác định thì thời gian cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng được xác định theo đề nghị của các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Mức giá cho thuê ưu đãi nhà, cơ sở hạ tầng đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa tối đa không bao gồm tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có) và lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng theo dự án được duyệt. Đơn giá cho thuê do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể cho từng trường hợp theo từng lĩnh vực và điều kiện thực tế tại thời điểm cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng theo nguyên tắc sau:

b1) Đối với nhà, cơ sở hạ tầng hiện có; giá cho thuê được xác định trên cơ sở đánh giá lại tài sản cố định theo quy định hiện hành về quản lý tài sản.

b2) Đối với nhà, cơ sở hạ tầng xây dựng mới được xác định bằng giá xây dựng (bao gồm cả thuế của đơn vị xây dựng), không bao gồm tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng, tiền lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng.

3. Việc hỗ trợ khoản lãi đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê được thực hiện như sau:

a) Thời gian hỗ trợ:

a1) Hỗ trợ 03 năm tiền lãi đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê thuộc khu vực đô thị.

a2) Hỗ trợ 05 năm tiền lãi đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê thuộc khu vực ngoài đô thị.

Mức lãi vay 01 năm được tính bằng mức lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ngãi và giá trị sửa chữa, xây dựng mới để cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê.

b) Căn cứ để hỗ trợ tiền lãi cho cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng; gồm các tài liệu sau:

b1) Văn bản đề nghị hỗ trợ tiền lãi của cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng;

b2) Các văn bản (bản sao có chứng thực):

- Quyết định thành lập cơ quan, đơn vị;

- Giấy phép kinh doanh (trong đó phải có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng);

- Hợp đồng cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

c) Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm tra hồ sơ đề nghị của cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ tiền lãi của từng trường hợp cụ thể theo quy định.

4. Hồ sơ, thủ tục để được xét ưu đãi thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa:

a) Văn bản đề nghị xét ưu đãi cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng để hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa;

b) Các văn bản (bản sao có chứng thực):

b1) Quyết định thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b2) Hợp đồng thuê nhà, cơ sở hạ tầng với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng;

c) Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm tra hồ sơ đề nghị của cơ sở thực hiện xã hội hóa để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ưu đãi thuê nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

5. Các Sở, Ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi về các thủ tục hành chính, cấp giấy phép xây dựng, và các thủ tục liên quan khác để các cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện đầu tư xây dựng và sửa chữa cơ sở vật chất theo quy hoạch.

6. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được xây dựng cơ sở hạ tầng phải nộp chi phí xây dựng hạ tầng thì được hỗ trợ theo quy định sau:

a) Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng tối đa không quá 30%.

b) Hồ sơ, thủ tục để được xem xét hỗ trợ chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng; gồm:

b1) Văn bản đề nghị hỗ trợ chi phí xây dựng của cơ sở thực hiện xã hội hóa;

b2) Các văn bản (bản sao có chứng thực):

- Văn bản yêu cầu nộp chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng của cơ quan, đơn vị có chức năng;

- Quyết định thành lập cơ sở thực hiện xã hội hóa;

- Dự án đầu tư xây dựng nhà, cơ sở vật chất được phê duyệt;

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thẩm tra hồ sơ đề nghị của cơ sở thực hiện xã hội hóa để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định hỗ trợ chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa theo quy định.

Điều 5. Chính sách về giao đất, cho thuê đất

1. Tùy theo điều kiện thực tế và từng trường hợp cụ thể; cơ sở thực hiện xã hội hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo các hình thức sau:

a) Giao đất không thu tiền sử dụng đất;

b) Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất trong thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho thuê đất;

c) Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn nộp tiền sử dụng đất trong thời hạn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất.

Riêng đối với đất đô thị, đất ở; các cơ sở thực hiện xã hội hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất có thu tiền thuê đất; đồng thời được miễn nộp tiền sử dụng đất hoặc miễn tiền thuê đất đối với đất có mục đích sử dụng là sản xuất kinh doanh dịch vụ, đất ở thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trường hợp chủ đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành) thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa sẽ được ngân sách nhà nước hoàn trả.

a) Thủ tục thực hiện hoàn trả gồm:

a1) Quyết định phê duyệt phương án, bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

a2) Văn bản xác nhận phần diện tích phục vụ hoạt động xã hội hóa của cơ quan Tài nguyên và Môi trường;

a3) Hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án xã hội hóa.

b) Thời gian hoàn trả: Phân kỳ hoàn trả chia làm hai đợt.

b1) Đợt đầu: Hoàn trả 50% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án xã hội hóa theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với phần diện tích phục vụ hoạt động xã hội hóa trong niên độ ngân sách của năm mà chủ đầu tư đề nghị.

b2) Đợt cuối: Hoàn trả 50% tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án xã hội hoá theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với phần diện tích phục vụ hoạt động xã hội hóa còn lại trong niên độ ngân sách của năm tiếp theo.

c) Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí hoàn trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chủ đầu tư đã ứng trước theo quy định.

3. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn giảm tiền sử dụng đất) thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định theo thẩm quyền việc giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư dự án xã hội hóa theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Trong trường hợp này cơ sở thực hiện xã hội hóa được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; được tính giá trị quyền sử dụng đất, giá trị thuê đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền một lần theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

4. Trường hợp cơ sở công lập, bán công chuyển đổi loại hình cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu đáp ứng được các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa được quy định tại Điều 2 Quy định này thì được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang sử dụng dưới các hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, hoặc cho thuê đất theo quy định tại khoản 1 và 3 Điều này.

5. Trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai. Đối với đất không đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích cơ sở thực hiện xã hội hóa phải trả lại cho Nhà nước.

6. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải sử dụng đất đúng mục đích và phù hợp với quy hoạch; trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích thì cơ sở thực hiện xã hội hóa bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, đồng thời phải nộp ngân sách nhà nước toàn bộ tiền thuê đất được miễn theo giá đất tại thời điểm bị thu hồi đối với thời gian sử dụng không đúng mục đích và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản mà cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi theo quy định.

7. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng miễn tiền thuê đất phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Đất đai; không được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng để thế chấp làm tài sản vay vốn.

8. Cơ sở thực hiện xã hội hoá không được chuyển nhượng đất đã được giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển nhượng cơ sở thực hiện xã hội hóa thì phải bảo đảm việc chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ xã hội hóa. Trong trường hợp này việc thu hồi lại đất đã giao cho chủ đầu tư cũ để giao đất hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

9. Các cơ quan nhà nước khi quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh (bao gồm cả các khu đô thị mới, khu công nghiệp) phải bố trí quỹ đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa; thực hiện việc công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa và quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Điều 6. Chính sách ưu đãi về tín dụng

1. Trên cơ sở Đề án phát triển xã hội hóa các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao và môi trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Quy định này được vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về đầu tư của Nhà nước (Mục 1 và 2 Chương II Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP về tín dụng ưu đãi đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính).

2. Các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với từng lĩnh vực xã hội hóa thực hiện thông báo và hướng dẫn các chính sách ưu đãi về tín dụng đối với các lĩnh vực xã hội hóa của Bộ, ngành Trung ương để các cơ sở thực hiện xã hội hóa biết và thực hiện.

Điều 7. Chính sách về đào tạo nguồn nhân lực

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo lao động, áp dụng như chính sách hỗ trợ đào tạo lao động đối với các nhà đầu tư có hoạt động đầu tư vào các Khu công nghiệp của tỉnh.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Nhiệm vụ của các Sở, Ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Các Sở: Xây dựng; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động-Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị quyết này và các quy định hiện hành khác của Nhà nước có liên quan.

2. Các Sở, Ban ngành tỉnh; các cơ quan quản lý chuyên ngành đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên cơ sở chức

năng nhiệm vụ được giao; đồng thời căn cứ vào Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện nội dung khuyến khích cụ thể theo từng lĩnh vực xã hội hóa chuyên ngành quy định tại Quy định này.

b) Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa do ngành quản lý.

c) Công bố công khai các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, cá nhân biết tham gia các lĩnh vực xã hội hóa.

3. Tổ chức phát triển quỹ đất các cấp có nhiệm vụ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trước khi giao đất, cho thuê đất cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm triển khai thực hiện các dự án thuộc các lĩnh vực xã hội hóa theo đúng quy định tại Quy định này và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Trường hợp không thực hiện đúng theo Quy định này và quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền thì sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hóa quy định tại Quy định này và các văn bản quy định hiện hành khác có liên quan của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có đủ điều kiện hưởng chính sách khuyến khích quy định tại Quy định này và các văn bản quy định hiện hành khác của Nhà nước có liên quan đăng ký với cơ quan cấp giấy phép hoạt động và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện; nếu có phát sinh, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài chính và các Ban, ngành tỉnh (theo từng lĩnh vực) để xem xét, xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Xuân Huế